

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15.11.2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 - 1/ Bà Thái Ánh Trinh
 - 2/ Ông Nguyễn Hữu Đức
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2018/QĐ.TA ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thu T** sinh năm 1983
Trú tại: khu vực Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc K** sinh năm 1980
Trú tại: khu vực Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:
 - 3.1. Cháu **Trần Quốc A** sinh năm 2006
 - 3.2. Cháu **Trần Bảo B** sinh năm 2011

(*Quốc A đang sống với chị T tại khu vực Q, phường H, quận T, và do chị T làm người giám hộ; Bảo B đang sống với anh K tại khu vực Q, phường H, quận T, và do anh K làm người giám hộ.*)

(*Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28.6.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Trương Thị Thu T trình bày:

Chị với anh Trần Quốc K tự nguyện yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã I, huyện P, tỉnh Hậu Giang ngày 27.5.2005. Sau khi cưới,

vợ chồng sống bên gia đình chị T, sau đó cất nhà riêng và sống hạnh phúc tại khu vực Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K không chí thú làm kinh tế mà thường xuyên tham gia cờ bạc nên từ tháng 5.2018 thì chị sống ly thân với anh K từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2006 và Trần Bảo B, sinh năm 2011. Hiện Quốc A đang sống với chị T và bên ngoại, còn cháu Bảo B đang sống chung với anh K tại khu vực Q, phường H, quận T.

Về tài sản chung: Chị T yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Quốc K.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Trần Quốc A đến trưởng thành, đồng ý ổn định cho anh K được quyền tiếp tục nuôi con chung Trần Bảo B đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung*: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02.10.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Trần Quốc K trình bày:

Do tự quen biết và yêu thương nhau nên vào năm 2005, anh và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã I, huyện P ngày 27.5.2005. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chị T tại khu vực Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2006 và Trần Bảo B, sinh năm 2011. Hiện Quốc A đang sống với chị T và bên ngoại, còn cháu Bảo B đang sống chung với anh K tại khu vực Q, phường H.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh thừa nhận thời gian qua có tham gia cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về tài sản chung: Anh đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Qua yêu cầu ly hôn của chị T thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh đồng ý ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi Trần Quốc A đến trưởng thành; Anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi Trần Bảo B đến trưởng thành. Đồng ý đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh đồng ý tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung*: không có.

Tại tờ tự khai ngày 04.9.2018 và quá trình giải quyết. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Quốc A và Trần Bảo B trình bày:

Các cháu là con của cha mẹ là bà Trương Thị Thu T và ông Trần Quốc K. Hiện nay cháu Quốc A đang sống chung với mẹ và bên ngoại tại khu vực Q, phường H, còn cháu Bảo B đang sống với cha tại khu vực Q, phường H, quận T.

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì Quốc A yêu cầu được sống với mẹ là bà Trương Thị Thu T đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng; Bảo B yêu cầu được sống với cha là ông Trần Quốc K đến trưởng thành, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn vẫn giữ nguyên như ý kiến ban đầu. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

/ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

/ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Thu T đối với anh Trần Quốc K; Ôn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2006 đến trưởng thành. Ôn định cho anh K được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Bảo B, sinh năm 2011 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Trương Thị Thu T với anh Trần Quốc K tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện P, tỉnh Hậu Giang ngày 27.5.2005 nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trương Thị Thu T và bị đơn anh Trần Quốc K vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh K chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5.2018 thì

phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh K không chí thú làm ăn mà tham gia cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5.2018 đến nay; Bị đơn anh Trần Quốc K thừa nhận trước đây anh có tham gia chơi cờ bạc nên vợ chồng ly thân từ tháng 5.2018 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lần lượt thực hiện các trình tự thủ tục luật định để triệu tập anh K tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để các đương sự hóa giải mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; nhưng anh K đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ: anh K không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này.

Hơn nữa, trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5.2018 đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh K đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2006 và Trần Bảo B, sinh năm 2011. Hiện Quốc A đang sống với chị T và bên ngoại, còn cháu Bảo B đang sống chung với anh K tại khu vực Q, phường H. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Quá trình giải quyết, các đương sự thống nhất ổn định con chung cho chị T được quyền nuôi con chung Trần Quốc A, sinh năm 2006 đến trưởng thành. Anh K được quyền nuôi con chung Trần Bảo B, sinh năm 2011 đến trưởng thành nên được Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do các đương sự thống nhất đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị T và anh K không phải cấp dưỡng cho con.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu T đối với bị đơn anh Trần Quốc K.

1. *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quốc K.

2. *Về con chung*: Chị Trương Thị Thu T được quyền nuôi con chung tên Trần Quốc A, sinh năm 2006 đến trưởng thành. Anh Trần Quốc K được quyền nuôi con chung tên Trần Bảo B, sinh năm 2011 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh K, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh K, chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trương Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004211 ngày 07.8.2018 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND xã I, huyện P (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền